

Bản án số: 292/2022/DS-PT

Ngày: 10- 5 - 2022

V/v Tranh chấp thừa kế; yêu cầu hi  
giấy chứng nhận QSD đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Minh Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại  
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Út- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành  
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2021/TLPT-  
DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp thừa kế; yêu cầu hủy giấy chứng  
nhận quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021  
của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 627/2022/QĐ-PT ngày  
01 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1958, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số A, đường số B, Khóm C, phường D, Tp. E, tỉnh An Giang.

2. Ông Lê Thanh Q, sinh năm 1945, (vắng mặt);

3. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1948 (vắng mặt);

4. Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh An Giang.

Ông Quang, ông H, ông T ủy quyền cho bà Lê Thị D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2019. (vắng mặt)

- Bị đơn: bà Trần Thị C, sinh năm 1955, có mặt;

Nơi cư trú: số A, tổ B, ấp C, xã D, huyện E, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang;

Địa chỉ: khóm A, thị trấn B, huyện C, An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Tịnh Biên là ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tịnh Biên và ông Trịnh Văn M, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Núi Voi tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2017, (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ông Lê Thanh L, sinh năm 1967, vắng mặt;

3. Bà Lê Thị Lệ T, sinh năm 1965, vắng mặt;

4. Bà Lê Thị Lệ H, sinh năm 1968, vắng mặt;

5. Bà Lê Thị Lệ P (Lê Thị P), sinh năm 1972, vắng mặt;

6. Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1974, vắng mặt;

7. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1979, vắng mặt;

8. Bà Lê Thị Trúc M, sinh năm 1984, vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh An Giang.

9. Bà Lê Trần Bảo T, sinh năm 1983, có mặt;

Cư trú: đường A, khóm B, thị trấn C, huyện D, An Giang.

10. Bà Lê Trần Ngân T, sinh năm 1990, có mặt;

Nơi cư trú: số A Tổ B, ấp C, xã D, huyện E, tỉnh An Giang.

11. Ông Bàn Trí N, sinh năm 1981, (vắng mặt);

Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã B, huyện C, An Giang.

Nơi cư trú hiện nay: Tổ A, Khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Ông N ủy quyền cho bà Lê Thị D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 11/6/2020, bà D vắng mặt.

12. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, (vắng mặt);

Địa chỉ: số A, Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

Đơn vị cho vay: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh An

Giang – Phòng giao dịch Tịnh Biên; địa chỉ: A Quốc lộ B, khóm C, thị D, huyện E, tỉnh An Giang.

13. Bà Lê Thị Bích L, sinh năm 1974, vắng mặt;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang;

14. Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1978, vắng mặt;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang;

15. Bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1982, vắng mặt;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang;

16. Ông Lê Văn P, sinh năm 1987, vắng mặt;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang;

17. Bà Đoàn Thị Mỹ A, sinh năm 1959, vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh An Giang;

18. Bà Lâm Thị M, sinh năm 1966, vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh An Giang;

19. Bà Đỗ Thị Mỹ H, sinh năm 1985, vắng mặt;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang;

Người kháng cáo: Bà Trần Thị C, bà Lê Trần Bảo T, bà Lê Trần Ngân T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị D và là đại diện cho các nguyên đơn Lê Thanh Q, Lê Thanh H, Lê Hoàng T trình bày:*

Cha mẹ chúng tôi là ông Lê Văn M (chết ngày 05/6/1999) và bà Bùi Thị H (chết ngày 12/7/2005), cha mẹ chúng tôi có 6 người con gồm: Lê Văn M (đã chết năm 2011), Lê Thanh Q, Lê Thanh H, Lê Hồng V (chết năm 2006), Lê Thị D (Lê Thị Lệ D) và Lê Hoàng T.

Ông Lê Văn M có vợ là Nguyễn Thị H (chết trước ông M), có 7 người con gồm: Lê Thanh L, Lê Thị Lệ T, Lê Thị Lệ H, Lê Thị Lệ P (Lê Thị P), Lê Thị Bích H, Lê Thanh H, Lê Thị Trúc M.

Ông Lê Hồng V (chết) có vợ là Trần Thị C, có hai con tên Lê Trần Bảo T, Lê Trần Ngân T.

Vào năm 1973 cha tôi được ông bà nội cho phần đất vườn tạp diện tích hơn 11.000m<sup>2</sup>, khi cha mẹ còn sống thì chưa được cấp quyền sử dụng. Năm 1999 cha tôi qua đời không lập di chúc, phần đất hơn 11.000m<sup>2</sup> cha cũng không chia

cho ai, nhưng có nhờ anh trai là Lê Hồng V quản lý phần đất này. Đến năm 2001 ông Lê Hồng V tự ý lập thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất nhưng các anh em trong gia đình không biết, ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02094 QSDĐ/aK ngày 21/8/2001, diện tích 11.009,70m<sup>2</sup>, thửa đất số 250, 265, tờ bản đồ số 16. Việc cấp quyền sử dụng đất cho ông V thì không có bất kỳ ý kiến nào của cha mẹ hay của anh chị em trong gia đình. Đến năm 2007 sau khi ông V chết thì anh em chúng tôi họp lại để chia thừa kế số đất trên thì bà Trần Thị C (vợ ông V) không đồng ý.

Hiện nay phần đất 11.009,70m<sup>2</sup> đã sang tên qua cho bà C, diện tích đất còn lại là 8.474,7m<sup>2</sup> do bà C quản lý sử dụng và đứng tên, việc bà C sang tên từ ông V bằng cách nào chúng tôi không biết, trên phần đất diện tích 8.474,7m<sup>2</sup> có mồ mã của ông bà. Nhận thấy rằng việc Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, bà C căn cứ vào giấy ủy quyền giả tạo (không có chữ ký của cha mẹ và anh em) là trái với quy định của pháp luật. Đối với tờ di chúc ngày 16/12/1990 bà C cung cấp thì anh em tôi không biết có tờ di chúc này.

Chúng tôi gồm Lê Thị D, Lê Thanh Quang, Lê Thanh H, Lê Hoàng Thanh khởi kiện yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 11.009,70m<sup>2</sup> cấp cho ông Lê Hồng V và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.474,7m<sup>2</sup> cấp cho bà Trần Thị C, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật diện tích đất 8.474,7m<sup>2</sup> thành 6 phần bằng nhau cho anh em chúng tôi (trừ đi diện tích mồ mã). Nay đã có kết quả đo đạc tôi yêu cầu chia theo bản trích đo địa chính ngày 03/11/2020, cụ thể: phần đất 3.289,4m<sup>2</sup> chia cho ông Lê Hoàng T, những người còn lại được chia phần đất 5.185,3m<sup>2</sup>, đồng ý chia cho bà C phần đất 1.000m<sup>2</sup>.

Chúng tôi thống nhất giá trị đất đã định vào ngày 17/5/2018, không yêu cầu định giá lại tài sản.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D trình bày:* ông Lê Thanh Q thừa nhận có in dấu vân tay vào tờ ủy quyền ngày ngày 14/12/2000, do lúc đó ông V yêu cầu ông Q in dấu vân tay vào tờ ủy quyền để ông V mượn đất của cha mẹ vay tiền ngân hàng nên ông Q mới đồng ý lăn tay. Nay ông Q có ý kiến không nhận thừa kế tài sản của cha mẹ để lại, đồng ý nhường lại kỷ phần được hưởng cho các anh em khác. Đối với phần đất 11.009,70m<sup>2</sup> do ông V đứng tên và sau này là hai phần đất 3.289,4m<sup>2</sup> và 5.185,3m<sup>2</sup> do bà C đứng tên, thì từ khi ông V được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay cả ông V và bà C đều không sử dụng phần đất này, mà do ông Lê Thanh Q và Lê Hoàng T quản lý, sử dụng. Trước khi ông V được cấp quyền sử dụng thì trên đất đã có các căn nhà của Lê Thanh Q, Lê Hoàng T, Lê Văn M do cha mẹ cho cất.

Nay bà D và các nguyên đơn khác chỉ yêu cầu chia thừa kế phần đất 5.185,3m<sup>2</sup> theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020, cụ thể chia cho bà C diện tích 1.083,2m<sup>2</sup>, chia cho các con ông M 1,207m<sup>2</sup>, chia cho ông T 1.279m<sup>2</sup>, chia cho ông H 645m<sup>2</sup>, chia cho bà D 970m<sup>2</sup>; không cần trừ đi diện tích các phần mộ có trên đất, nếu ai nhận đất nhiều hơn cũng không yêu cầu hoàn phần giá trị chênh lệch cho các thừa kế khác.

- Yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.474,7m<sup>2</sup> (3.289,4m<sup>2</sup> và 5.185,3m<sup>2</sup>) cấp cho bà Trần Thị C.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 3.289,4m<sup>2</sup>, các anh em của bà sẽ thỏa thuận sau và không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 11.009,70m<sup>2</sup> cấp cho ông Lê Hồng V. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà D tại phiên tòa được sự đồng ý của các nguyên đơn khác.

Đối với các phần đất ông V, bà Chinh đã chuyển nhượng cho Lê Thị Lệ P, Lê Thanh H, Lê Thanh Q, Bành Trí N, Lê Hoàng T thì bà D và các nguyên đơn khác không tranh chấp.

*Bị đơn bà Trần Thị C trình bày:*

Cha mẹ chồng tôi là ông Lê Văn M (chết ngày 05/6/1999) và bà Bùi Thị H (chết ngày 12/7/2005). Cha mẹ chồng tôi có 6 người con gồm: Lê Văn M (đã chết năm 2011), Lê Thanh Q, Lê Thanh H, Lê Hồng V (chồng tôi chết năm 2006), Lê Thị D và Lê Hoàng T.

Ông Lê Văn M có vợ là Nguyễn Thị H có 7 người con gồm: Lê Thanh L, Lê Thị Lệ T, Lê Thị Lệ H, Lê Thị Lệ P, Lê Thị Bích H, Lê Thanh H, Lê Thị Trúc M.

Ông Lê Hồng V là chồng của tôi, tôi và ông V có hai con tên Lê Trần Bảo T, Lê Trần Ngân T. Riêng ông Lê Văn M là con riêng của bà Bùi Thị H, khi kết hôn với ông Lê Văn M thì bà H đang mang thai ông M, ông M xem ông M như con ruột, khai sinh lấy họ của ông M và nuôi nấng từ khi sinh ra.

Tôi thừa nhận cha mẹ chồng được thừa hưởng từ ông bà phần đất 11.009,70m<sup>2</sup>, khi cha mẹ chồng còn sống thì chưa được cấp quyền sử dụng.

Ngày 16/02/1990 cha chồng có làm tờ di chúc để lại phần đất 11.009,70m<sup>2</sup> cho chồng tôi, năm 1999 khi cha chồng còn sống thì ông V đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, sau khi cha chồng chết thì vào năm 2001 ông V được cấp quyền sử dụng đất diện tích 11.009,70m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02094 QSDĐ/aK, thửa đất số 250, 265, tờ bản đồ số 16 ngày 21/8/2001.

Vào năm 2003 ông V có chuyển nhượng cho bà Lê Thị Lệ P (con ông Lê Văn M) diện tích 557,8m<sup>2</sup> (bà Phúc đã chuyển nhượng lại cho ông Lê Thanh H), chuyển nhượng cho Lê Thanh H 518,4m<sup>2</sup> trong phần đất diện tích 11.009,70m<sup>2</sup> do ông V đứng tên có làm hợp đồng chuyển nhượng, phần đất còn lại 9.933,5m<sup>2</sup> vẫn do ông V đứng tên. Sau khi ông V chết năm 2008 thì tôi đứng ra khai nhận thừa kế phần đất 9.933,5m<sup>2</sup> và tôi tiếp tục chuyển nhượng cho ông Bành Trí N (con bà Lê Thị D) diện tích 429m<sup>2</sup>, chuyển nhượng cho Lê Thanh Q 523,4m<sup>2</sup> và chuyển nhượng cho Lê Hoàng T 506,4m<sup>2</sup>. Diện tích đất còn lại 8.474,7m<sup>2</sup> tôi được cấp lại hai quyền sử dụng đất số CH00808 ngày 20/7/2012 diện tích 3.289,4m<sup>2</sup> và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00809 ngày 20/7/2012 diện tích 5.185,3m<sup>2</sup>.

Lý do tôi chuyển nhượng đất cho các ông bà Lê Thị Lệ P, Lê Thanh H, Lê Thanh Q, Bành Trí N, Lê Hoàng T là do ý nguyện của cha chồng tôi lúc còn sống theo tờ di chúc ngày 16/02/1990, việc chuyển nhượng không có nhận tiền.

Phần đất 8.474,7m<sup>2</sup> (3.289,4m<sup>2</sup> + 5.185,3m<sup>2</sup>) người trực tiếp quản lý, sử dụng đất là Lê Thanh Q và Lê Hoàng T, vợ chồng bà C chỉ đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra trước khi ông V được cấp quyền sử dụng thì trên đất đã có các căn nhà của các ông Q, ông T, ông H, ông M do cha mẹ chồng cho cất khi còn sống. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00809 ngày 20/7/2012 diện tích 5.185,3m<sup>2</sup> thì vào đầu năm 2020 tôi đang thế chấp vay tiền (180.000.000 đồng) tại Ngân hàng TMCP Sacombank chi nhánh huyện Tịnh Biên, thời hạn 1 năm. Bà đã tắt toán xong nợ với Ngân hàng vào ngày 10/3/2021. Bà không tranh chấp các phần đất mà bà và ông V đã chuyển nhượng cho các ông, bà P, H, Quang, N, T; nhưng nếu chia thừa kế cho các anh em thì phải xem xét chia luôn các phần đất đã chuyển nhượng.

Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và tôi là đúng quy định của pháp luật, khi tôi chuyển nhượng đất cho các ông, bà Lê Thị Lệ P, Lê Thanh H, Lê Thanh Q, Bành Trí N, Lê Hoàng T thì không ai có ý kiến hay khiếu nại gì. Nay trước yêu cầu của các nguyên đơn tôi không đồng ý chia thừa kế phần đất 5.185,3m<sup>2</sup>, không đồng ý hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V và tôi. Trước đây tôi có ý kiến thống

nhất giao phần đất 3.289,4m<sup>2</sup> cho ông Lê Hoàng T quản lý sử dụng, nay tôi rút lại ý kiến này không đồng ý giao phần đất 3.289,4m<sup>2</sup> cho ông T.

Tôi đã nhận được kết luận giám định số 03/KLGD-PC09 ngày 31/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, nhưng tôi không có ý kiến và cũng không yêu cầu giám định lại. Đối với giá trị quyền sử dụng đất tôi cũng không có ý kiến, không yêu cầu định giá lại.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Bà Lê Trần Ngân T, Lê Trần Bảo T trình bày:* hai bà thống nhất với ý kiến của bà Trần Thị C, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên do ông Nguyễn Văn T và ông Trịnh Văn M trình bày (BL 212):*

Phần đất 11.009,70m<sup>2</sup> có nguồn gốc là của ông Lê Văn M và bà Bùi Thị H được thừa hưởng từ ông bà. Năm 2000 ông V lập thủ tục đăng ký kê khai phần đất 11.009,70m<sup>2</sup>, trên cơ sở tờ ủy quyền ngày 14/12/2000 của ông Lê Văn M, Lê Thanh Q, Lê Thanh H, Lê Thị Lệ D, Lê Hoàng T về việc thỏa thuận để cho ông Lê Hồng V được quyền đứng tên phần đất của ông M, bà H để lại. Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02094 QSDĐ/aK, diện tích 11.009,70m<sup>2</sup> thửa đất số 250, 265, tờ bản đồ số 16 ngày 21/8/2001 cho ông Lê Hồng V.

Năm 2003 ông Lê Hồng V lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà Lê Thị Lệ P diện tích 557,8m<sup>2</sup>, chuyển nhượng cho Lê Thanh H 518,4m<sup>2</sup> trong phần đất diện tích 11.009,70m<sup>2</sup> do ông V đứng tên, phần đất còn lại 9.933,5m<sup>2</sup> vẫn do ông V đứng tên. Sau khi ông V chết thì bà C đứng ra khai nhận thừa kế phần đất 9.933,5m<sup>2</sup>, năm 2008 bà C tiếp tục lập hợp đồng tặng cho ông Bành Trí N diện tích 429m<sup>2</sup>, tặng cho ông Lê Thanh Q 523,4m<sup>2</sup> và tặng cho ông Lê Hoàng T 506,4m<sup>2</sup>. Diện tích đất còn lại 8474,7m<sup>2</sup> bà C được cấp lại hai quyền sử dụng đất số CH00808 ngày 20/7/2012 diện tích 3.289,4m<sup>2</sup> và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00809 ngày 20/7/2012 diện tích 5.185,3m<sup>2</sup>.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hồng V là đúng theo quy định của pháp luật trên cơ sở tờ ủy quyền ngày 14/12/2000, ông V chuyển nhượng đất cho bà P, ông H, sau khi ông V chết bà C khai nhận thừa kế và tiếp tục tặng cho đất cho ông N, ông Q, ông T là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với tranh chấp giữa các đương sự thì tùy Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại bản án số: 11/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:*

Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02094/QSĐĐ/aK, diện tích 11.009,70m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp ngày 21/8/2001 cho ông Lê Hồng V và yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 3.289,4m<sup>2</sup>.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất 5.185,3m<sup>2</sup>, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.185,3m<sup>2</sup> và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.289,4m<sup>2</sup> cấp cho bà Trần Thị Chinh.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00809 ngày 20/7/2012, diện tích 5.185,3m<sup>2</sup> và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00808 ngày 20/7/2012, diện tích 3.289,4m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho bà Trần Thị C.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ H, cụ M gồm: Lê Văn M (có các thừa kế gồm Lê Thanh L, Lê Thị Lệ T, Lê Thị Lệ H, Lê Thị Lệ P (Lê Thị P), Lê Thị Bích H, Lê Thanh H, Lê Thị Trúc M), Lê Thanh Q, Lê Thanh H, Lê Hồng V (có các thừa kế là Trần Thị Ch, Lê Trần Bảo T, Lê Trần Ngân T), Lê Thị D (Lê Thị Lệ D) và Lê Hoàng T.

4. Xác định di sản của cụ H, cụ M để lại là phần đất có diện tích 5.185,3m<sup>2</sup> theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên, được chia cho các thừa kế của cụ H, cụ M hưởng gồm: Lê Văn M, Lê Thanh H, Lê Hồng V, Lê Thị D và Lê Hoàng T.

5. Công nhận việc ông Lê Thanh Q nhường kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác được hưởng.

- Các thừa kế của ông Lê Hồng V, gồm: Trần Thị C, Lê Trần Ngân T, Lê Trần Bảo T được chia phần đất 1.083,2m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất thổ cư và 983,2m<sup>2</sup> đất cây lâu năm) tại các điểm 11, 12, 17, 18, 19, 20, thửa 266 (thửa mới), tờ bản đồ 16; theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên;

- Bà Lê Thị D được chia phần đất 970m<sup>2</sup> (đất cây lâu năm) tại các điểm 34, 35, 36, 38 (thửa tạm 1) theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên;

- Ông Lê Thanh H được chia phần đất 645,7m<sup>2</sup> (đất cây lâu năm) tại các điểm 33, 34, 38, 39 (thửa tạm 2), theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên;



- Ông Lê Hoàng Thanh được chia phần đất 1.279,4m<sup>2</sup> (đất cây lâu năm) tại các điểm 7, 8, 9, 10, 11, 20, 19, 39, 33 (thửa tạm 3), theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tĩnh Biên;

- Các thừa kế của ông Lê Văn M, gồm: Lê Thanh L, Lê Thị Lệ T, Lê Thị Lệ H, Lê Thị Lệ P (Lê Thị P), Lê Thị Bích H, Lê Thanh H, Lê Thị Trúc M được chia phần đất 1.207,0m<sup>2</sup> (đất cây lâu năm) tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 33 (thửa tạm 4), theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tĩnh Biên.

Buộc các ông Lê Thanh Q, Lê Hoàng T phải có nghĩa vụ giao các phần đất được chia nêu trên cho bà D, ông H, các thừa kế của ông M và các thừa kế của ông V.

Các đương sự Lê Hoàng T, Lê Thanh H, Lê Thị D; Trần Thị C, Lê Trần Ngân T, Lê Trần Bảo T; Lê Thanh L, Lê Thị Lệ T, Lê Thị Lệ H, Lê Thị Lệ P, Lê Thị Bích H, Lê Thanh H, Lê Thị Trúc M phải có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đối với phần đất đã được chia nêu trên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/3/2021, bà Trần Thị C, bà Lê Trần Bảo T, bà Lê Trần Ngân T cùng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, việc cấp sơ thẩm chia thừa kế phần đất còn lại theo yêu cầu của bà D là không đúng quy định, việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông V là đúng quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo là bà C, T, T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày:

Bà Chinh, T, T cùng trình bày: Năm 2003 và sau khi ông V chết thì đã chuyển nhượng cho các con ông M, bà H các phần đất trong diện tích 11.000m<sup>2</sup>. Đây thực chất là việc chia các phần đất cho những người con khác của ông M, bà H và năm 2003 và sau khi ông V chết đã xong. Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Cấp phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng các quy định về tố tụng,

Về nội dung kháng cáo: Ông M, bà hai có 6 người con. Các bên đương sự đều thừa nhận đất đang tranh chấp là di sản của ông M, bà H. Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông V căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 14/12/2000 nhưng không có căn cứ kết luận các con bà hai, ông M ký vào giấy thỏa thuận này. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông V là không đúng quy định, cấp sơ thẩm chia thừa kế là có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 5.185,3m<sup>2</sup>, đất thuộc thửa số 265, tờ bản đồ số A, xã B, huyện C, đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Trần Thị C ngày 20/7/2012, đồng thời yêu cầu hủy 2 giấy chứng nhận QSD đất số seri BI 259597, vào sổ cấp giấy số CH00809 diện tích 5.185,3m<sup>2</sup> và giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ CH 00808, diện tích 3.289,4m<sup>2</sup> cùng cấp cho bà Trần Thị C cùng ngày 20/7/2012.

[2]- Nguồn gốc hai diện tích đất tại phần [1] là của vợ chồng ông Lê Văn M (chết năm 1999) và bà Bùi Thị H (chết năm 2005), ông M, bà H chết không có di chúc, điều này được các bên đương sự thừa nhận.

Các nguyên đơn cho rằng không có việc các thừa kế của ông M ký, lăn tay tờ ủy quyền ngày 14/12/2000 cho ông Lê Hồng V (là chồng bà C) được đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất 11.009,7m<sup>2</sup> đất, trong đó có hai thửa đất trên đã chuyển tên sang bà C nêu trên.

Bà C trình bày ông V được đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất 11.009,7m<sup>2</sup> là do bà H và các thừa kế của ông M có lập tờ ủy quyền ngày 14/12/2000 cho ông V đăng ký QSD đất 11.009,7m<sup>2</sup> trong đó có hai diện tích đất trên.

[3]- Xét kháng cáo của các đương sự thì thấy:

Nguồn gốc hai thửa đất trên là của bà H và di sản của ông M. Năm 2001, ông V được cấp giấy chứng nhận QSD đất 11.009,7m<sup>2</sup> trong đó có hai diện tích đất trên là do ông V cung cấp cho cơ quan nhà nước tờ ủy quyền ngày 14/12/2000. Theo nội dung tờ ủy quyền này thì các con ông M ủy quyền cho ông V được đăng ký QSD đất của ông M, bà H.

Tuy nhiên, kết quả giám định các dấu vân tay, chữ ký trên tờ ủy quyền cho thấy không có căn cứ kết luận chữ ký mang tên Lê Thị D, Lê Thanh Q, Lê Thanh H, Lê Hoàng T trên tờ ủy quyền có phải của bà D, ông Q, ông H, ông T hay không, dấu vân tay không phải của bà D, các dấu vân tay của tại vị trí tên ông H, ông T và một dấu vân tay tại vị trí tên bà D không đủ yếu tố giám định do bị nhòe, mờ. Xác nhận của UBND thị trấn vào ngày 15/12/2000 trong khi giấy ủy quyền lập ngày 14/12/2000, nội dung xác nhận của UBND thị trấn cũng không thể hiện việc chứng thực các đương sự ký, lăn tay trước mặt cán bộ của UBND thị trấn nên việc xác nhận này không đúng thủ tục theo quy định về chứng thực. Như vậy, không có căn cứ để kết luận các thừa kế của ông M ủy quyền cho ông V được đăng ký xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất 8.474,4m<sup>2</sup> trên. Việc UBND huyện căn cứ vào tờ ủy quyền để cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông V là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của các thừa kế.

Cấp sơ thẩm chia thừa kế đối với diện tích đất 5.185,3m<sup>2</sup> và hủy hai giấy chứng nhận QSD đất cấp cho bà C nêu trên là có căn cứ. Cụ thể: Chia cho thừa kế của ông V diện tích 1.083,2m<sup>2</sup>, chia cho các con ông M 1,207m<sup>2</sup>, chia cho ông T 1.279m<sup>2</sup>, chia cho ông H 645m<sup>2</sup>, chia cho bà D 970m<sup>2</sup>; không cần trừ đi diện tích các phần mộ có trên đất, nếu ai nhận đất nhiều hơn cũng không yêu cầu

hoàn phần giá trị chênh lệch cho các thừa kế khác. Ông T là người có công quản lý đất nên được chia kỷ phần nhiều hơn là phù hợp.

Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà C, bà T, bà T; giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự có kháng cáo phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của các đương sự: Bà Trần Thị C, bà Lê Trần Bảo T, bà Lê Trần Ngân T; giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang như sau:

Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02094/QSĐĐ/aK, diện tích 11.009,70m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp ngày 21/8/2001 cho ông Lê Hồng V và yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 3.289,4m<sup>2</sup>.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất 5.185,3m<sup>2</sup>, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.185,3m<sup>2</sup> và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.289,4m<sup>2</sup> cấp cho bà Trần Thị C.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00809 ngày 20/7/2012, diện tích 5.185,3m<sup>2</sup> và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00808 ngày 20/7/2012, diện tích 3.289,4m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho bà Trần Thị C.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ H, cụ M gồm: Lê Văn M (có các thừa kế gồm Lê Thanh L, Lê Thị Lệ T, Lê Thị Lệ H, Lê Thị Lệ P (Lê Thị P), Lê Thị Bích H, Lê Thanh H, Lê Thị Trúc M), Lê Thanh Q, Lê Thanh H, Lê Hồng V (có các thừa kế là Trần Thị C, Lê Trần Bảo T, Lê Trần Ngân T), Lê Thị D (Lê Thị Lệ D) và Lê Hoàng T.

4. Xác định di sản của cụ H, cụ M để lại là phần đất có diện tích 5.185,3m<sup>2</sup> theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi

nhánh Tịnh Biên, được chia cho các thừa kế của cụ H, cụ M hưởng gồm: Lê Văn M, Lê Thanh H, Lê Hồng V, Lê Thị D và Lê Hoàng T.

5. Công nhận việc ông Lê Thanh Q nhường kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác được hưởng.

- Các thừa kế của ông Lê Hồng V, gồm: Trần Thị C, Lê Trần Ngân T, Lê Trần Bảo T được chia phần đất 1.083,2m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất thổ cư và 983,2m<sup>2</sup> đất cây lâu năm) tại các điểm 11, 12, 17, 18, 19, 20, thửa 266 (thửa mới), tờ bản đồ 16; theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên;

- Bà Lê Thị D được chia phần đất 970m<sup>2</sup> (đất cây lâu năm) tại các điểm 34, 35, 36, 38 (thửa tạm 1) theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên;

- Ông Lê Thanh H được chia phần đất 645,7m<sup>2</sup> (đất cây lâu năm) tại các điểm 33, 34, 38, 39 (thửa tạm 2), theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên;

- Ông Lê Hoàng T được chia phần đất 1.279,4m<sup>2</sup> (đất cây lâu năm) tại các điểm 7, 8, 9, 10, 11, 20, 19, 39, 33 (thửa tạm 3), theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên;

- Các thừa kế của ông Lê Văn M, gồm: Lê Thanh L, Lê Thị Lệ T, Lê Thị Lệ H, Lê Thị Lệ P (Lê Thị P), Lê Thị Bích H, Lê Thanh H, Lê Thị Trúc M được chia phần đất 1.207,0m<sup>2</sup> (đất cây lâu năm) tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 33 (thửa tạm 4), theo bản trích đo địa chính ngày 08/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên (*kèm theo bản án*).

Buộc các ông Lê Thanh Quang, Lê Hoàng T phải có nghĩa vụ giao các phần đất được chia nêu trên cho bà D, ông H, các thừa kế của ông M và các thừa kế của ông V.

Các đương sự Lê Hoàng T, Lê Thanh H, Lê Thị D; Trần Thị C, Lê Trần Ngân T, Lê Trần Bảo T; Lê Thanh L, Lê Thị Lệ T, Lê Thị Lệ H, Lê Thị Lệ P, Lê Thị Bích H, Lê Thanh H, Lê Thị Trúc M phải có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đối với phần đất đã được chia nêu trên.

6. Về chi phí tố tụng:

Bà D phải chịu 2.496.800đ (đã nộp xong).

Các ông Lê Hoàng T, Lê Thanh H mỗi người phải hoàn trả cho bà D 2.496.800đ.

Các ông, bà Lê Thanh L, Lê Thị Lệ T, Lê Thị Lệ H, Lê Thị Lệ P (Lê Thị P), Lê Thị Bích H, Lê Thanh H, Lê Thị Trúc M phải hoàn trả cho bà D 2.496.800đ;

Bà Trần Thị C phải trả lại cho bà Lê Thị D 3.240.000đ chi phí giám định.

Các bà Trần Thị C, Lê Trần Bảo T, Lê Trần Ngân T phải hoàn trả cho bà D 2.496.800đ.

**7. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà D phải chịu 1.746.000đ, ông H phải chịu 1.162.200đ, ông T phải chịu 2.302.900đ, tổng cộng 5.211.000đ, khấu trừ vào 3.750.000đ (mỗi người được khấu trừ 1.250.000đ) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002059 ngày 10/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà D, ông H, ông T mỗi người phải nộp thêm 487.000đ.

Ông Lê Thanh Q được nhận lại 1.250.000đ (trong số 5.000.000đ) đã nộp tại biên lai thu số 0002059 ngày 10/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các thừa kế của ông M gồm: Lê Thanh L, Lê Thị Lệ T, Lê Thị Lệ H, Lê Thị P, Lê Thị Bích H, Lê Thanh H, Lê Thị Trúc M phải chịu 2.172.600đ

Bà Chinh, bà T, bà T phải chịu 3.144.700đ, mỗi người phải chịu 1.048.234đ.

3- Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị C, bà Lê Trần Bảo T, bà Lê Trần Ngân T mỗi đương sự phải chịu 300.000đ, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 2904; 2905 cùng ngày 22/4/2021 và số 2906 ngày 23/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1) ;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3) (07);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Hùng**